

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020.
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**;
2. Ông **Hoàng Sỹ Quang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị X**, sinh năm 1987.

HKTT tại: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1979. Luật sư Văn phòng Luật sư Bảo Công. Địa chỉ: Phường T, Thành phố Hải Dương, Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đoàn Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, ngày 15/11/2007 đăng ký tại UBND Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách khác biệt, quan điểm sống trái ngược nên từ năm 2013 chị X đã đưa con gái là cháu Phạm Thị Thanh M1 chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Sau đó, anh H đi lao động tại Đài Loan và cũng không có liên lạc gì với chị X. Đến nay, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/9/2008 hiện đang ở với bố đẻ anh H và cháu Phạm Thị Thanh M1, sinh ngày 25/11/2010, hiện đang ở với chị X. Khi ly hôn chị X đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị X tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, ngày 15/11/2007 đăng ký tại UBND Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà anh H tại Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần có xảy ra cãi nhau vì tính cách không hợp, quan điểm sống khác nhau. Năm 2013 mâu thuẫn căng thẳng đỉnh điểm, chị X đã đưa con gái chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại Xã T, huyện G và anh chị ly thân từ đó đến nay. Sau đó, anh H đi lao động ở Đài Loan và không có liên lạc với chị X. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai nên chị X xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/9/2008 hiện đang ở với bố đẻ anh là ông M và Phạm Thị Thanh M1, sinh ngày 25/11/2010, hiện đang ở với chị X. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Quang T, đề nghị giao con chung Phạm Thị Thanh M1 cho chị X nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do anh đang lao động ở Đài Loan nên ông M sẽ thay anh chăm sóc cháu T,

chi phí chăm sóc do anh và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn M trình bày: Ông là bố đẻ của anh Phạm Văn H. Ông nhận ủy quyền của anh H là người đại diện thay anh H tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Khi anh H và chị X ly hôn, ông đồng ý thay anh H chăm sóc con chung của anh chị là Phạm Quang T trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam. Chi phí chăm sóc do ông và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí giám định ông M xác định tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định vân tay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Đoàn Thị X trình bày chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H. Chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung Phạm Quang T và Phạm Thị Thanh M1 vì chị cho rằng ông M nuôi cháu T không đảm bảo, ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập của cháu. Hơn nữa anh H không có mặt ở Việt Nam để trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Chị đã nộp cho Tòa án bảng lương có xác nhận của Công ty TNHH S Hải Dương với mức thu nhập hàng tháng 5.500.000đ/tháng. Chị X yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị X xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H là ông Phạm Văn M trình bày anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Quang T, còn con chung Phạm Thị Thanh M1 giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Ông M đồng ý thay anh H chăm sóc cháu T trong thời gian anh H không ở Việt Nam, không yêu cầu giải quyết chi phí chăm sóc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày: Đề nghị HĐXX giải quyết cho anh Phạm Văn H và chị Đoàn Thị X được ly hôn và đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của anh H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Quang T, còn cháu Phạm Thị Thanh M1 giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân,

Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng nhưng thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 476 BLTTDS năm 2015.

- Về hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị X được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cho chị X nuôi dưỡng Phạm Quang T, sinh ngày 25/8/2008 và Phạm Thị Thanh M1, sinh ngày 26/11/2010, anh H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là 2.000.000đ/ tháng. Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Đoàn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Hạnh là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các văn bản anh Nguyễn Văn Hạnh gửi về gồm Đơn xin ly hôn; Đơn xin xét xử vắng mặt; Giấy ủy quyền, toàn bộ giấy tờ này không có chứng thực. Tòa án đã tiến hành giám định dấu vân tay tại các tài liệu của anh H gửi về từ Đài Loan có điểm chỉ của anh H so với dấu vân tay in trong tờ khai chứng minh nhân dân, chỉ bản số 142231079 của anh H và được xác định dấu vân tay của cùng một người theo Kết luận giám định số 06/KLGĐ-PC09 ngày 15/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền giải quyết về con chung và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh H tham gia phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký ngày 15/11/2007 tại UBND Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Năm 2013, chị X đã đưa con gái chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại Xã T, huyện G và anh chị ly thân từ đó đến nay. Sau đó anh H đi lao động ở Đài Loan không có liên lạc gì với chị X. Nay chị X và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của chị X và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị X nên cần chấp nhận cho chị X ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị X và anh H cùng xác định có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/9/2008 và cháu Phạm Thị Thanh M1, sinh ngày 25/11/2010. Từ năm 2013, anh H đi nước ngoài thì cháu T ở với ông Phạm Văn M là bố đẻ anh H còn cháu M1 ở với chị X. Tuy nhiên từ đầu năm 2020, chị X đã đón cháu T về nuôi dưỡng.

Xét thấy hiện nay anh H đang không có mặt ở Việt Nam để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị X hiện đang ở Việt Nam có điều kiện chăm sóc hai con chung, có nơi ở ổn định, công việc ổn định với thu nhập hàng tháng là 5.500.000đ/tháng. Bản thân các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hơn nữa các cháu đều còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị X nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung nên cần chấp nhận. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con là 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi hai con chung đủ tuổi trưởng thành. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này anh H về Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 40,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị X được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đoàn Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/9/2008 và Phạm Thị Thanh M1, sinh ngày 25/11/2010. Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng. Tổng cộng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Phạm Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng chị X đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0002665 ngày 18/5/2020. Chị X đã nộp đủ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh H chưa nộp.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn

